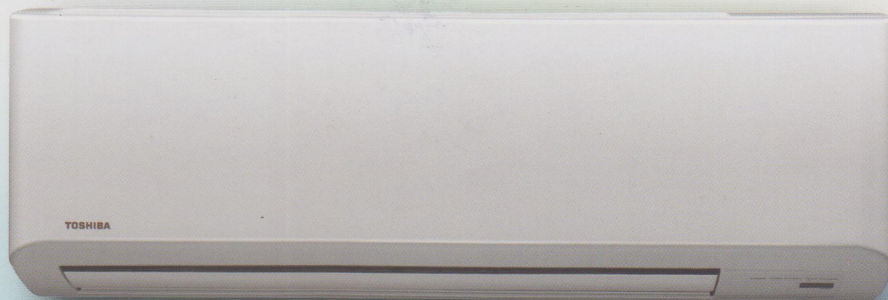


TOSHIBA

Leading Innovation >>>



Stylish
New Design

WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN



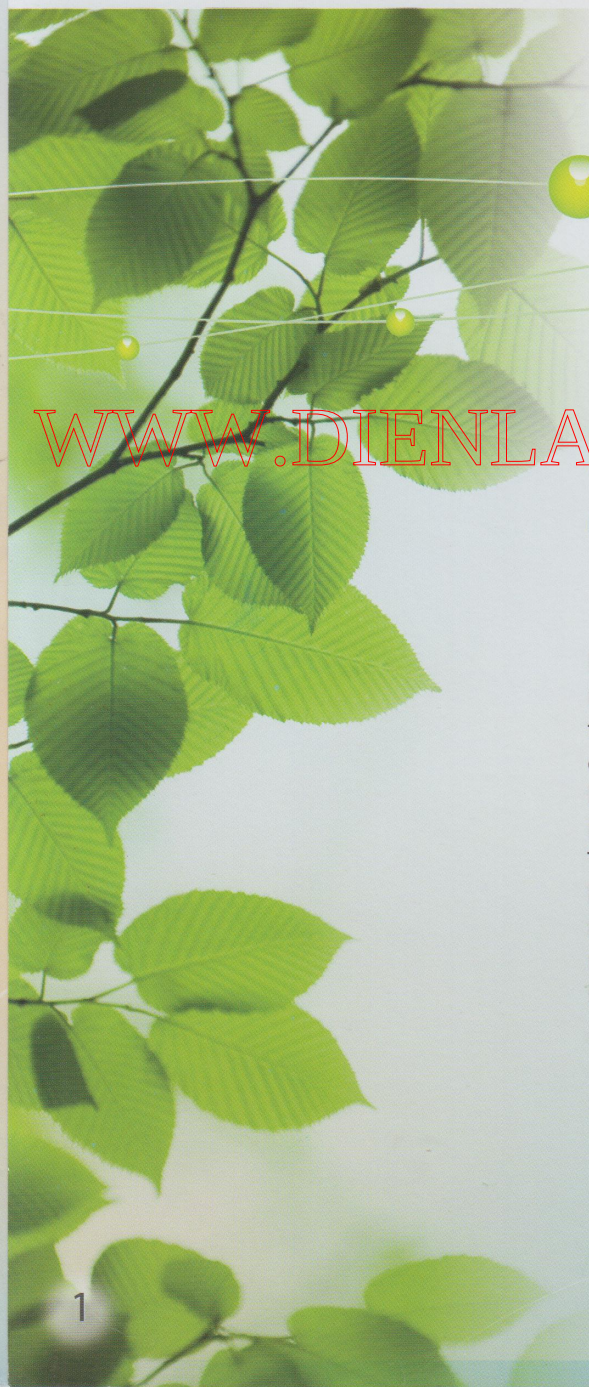
TOSHIBA
eco style

TOSHIBA

Leading Innovation >>>

Stylish New Design

Kiểu dáng hiện đại trong thiết kế mới của máy điều hòa không khí Toshiba phù hợp với bất kỳ nội thất nào



WWW.DIENLANHANOI.COM.VN

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO THẾ HỆ MÀI SAU

Những hoạt động của con người làm cho khí hậu thay đổi nhanh chóng, các nhà khoa học dự báo hậu quả mà môi trường sinh thái bị tàn phá như thế nào. Những giải pháp chống đỡ sự thay đổi này trên toàn cầu được ưu tiên trước. Bao lâu nữa thì con người ở khắp mọi nơi sẵn sàng áp dụng những giải pháp làm giảm tác hại của môi trường?

Toshiba nhanh chóng tạo ra một sự khác biệt lớn về không khí. Chúng tôi dẫn đầu các sáng kiến đổi mới trong giới nghiên cứu, nền công nghiệp và chính quyền nghĩ đến những giải pháp lớn hơn, mang dấu ấn quyết định để nhanh chóng làm cho môi trường thân thiện hơn.



WWW.DIENLANHANG.COM.VN
Toshiba Airconditioning
we care about Better Air...



Sản phẩm của chúng tôi tuân thủ nguyên tắc hạn chế những hóa chất độc hại.

Với sự gia tăng nhanh chóng lượng chất thải, chúng tôi hướng đến hạn chế thấp nhất về tác động của những sản phẩm điện tử đến môi trường. Giải pháp tốt nhất cho mục tiêu này là việc sử dụng các chất liệu từ Plastic và có thể được tái chế sau đó.

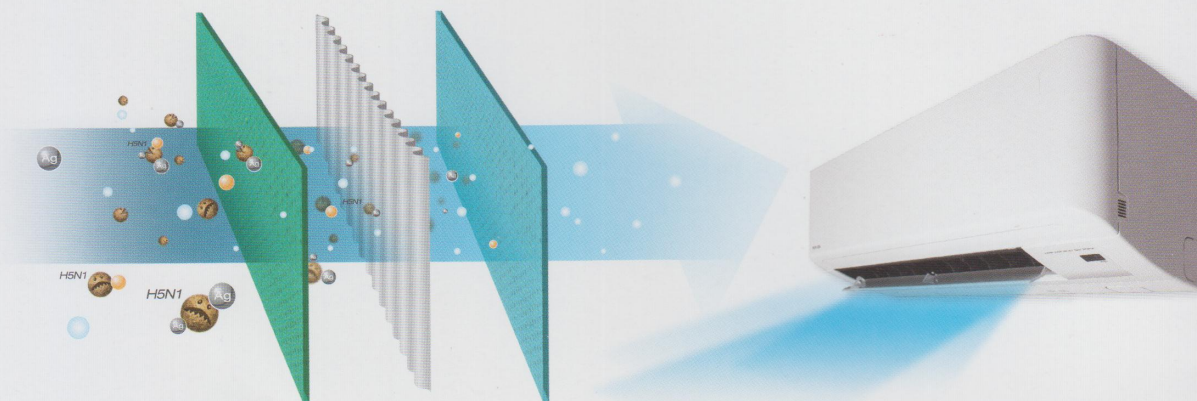
Cam kết của chúng tôi về bảo vệ trái đất và gia tăng sự tiết kiệm thông qua công nghệ kỹ thuật số điều khiển hoàn hảo và hiệu quả do sử dụng máy nén DC biến tần của Toshiba. Với máy nén này, tốc độ vòng quay được điều khiển chính xác giúp tiết kiệm điện năng lên đến 50% (khi so sánh với dòng máy tiêu chuẩn) và hoạt động êm ái hơn.

*13k Btu Inverter vs. 13k Btu Fixed Speed product

TOSHIBA

Leading Innovation >>>

Công nghệ dành cho sức khỏe



Lưới lọc mới IAQ

Lưới lọc công nghệ mới của Toshiba có khả năng ngăn chặn sự hình thành và phát triển của các vi khuẩn gây hại và các loại virus cúm như H5N1. Với lưới lọc mới IAQ của Toshiba, ngôi nhà bạn sẽ có bầu không khí trong lành như tiết trời mùa xuân.

Lưới lọc cực hiệu quả chống lại sự hình thành nấm mốc



Hệ thống lưới lọc khóa chặt các bụi bẩn, vi khuẩn và nấm mốc đảm bảo cho căn phòng của bạn luôn trong lành và sạch sẽ



Chống lại vi khuẩn và virus

Chống vi khuẩn: Tiêu hủy đến 99,9% vi khuẩn

Khử mùi: hấp thụ và phân hủy khói, khí ammoniac, chất hữu cơ dễ bay hơi, thực phẩm có mùi và mùi hôi

Ngăn ngừa nấm mốc hình thành: Ưc chế sự hình thành các loại nấm mốc gây bệnh

Chống lại Virus**: Virus cúm gia cầm H5N1

Diệt virus: Và đặc biệt tác nhân Leuconostoc enzyme chống lại virus cúm gia cầm H5N1

* Cải thiện chất lượng không khí bằng cách giảm số lượng vi khuẩn và virus. Tuy nhiên, không đảm bảo phòng tiết trùng hoặc bảo vệ chống lại nhiễm trùng sau khi sử dụng các lưới lọc.

*Viện nghiên cứu & Kiểm nghiệm Apparel, BS05-00001771

**Betagro Science Center Co., Ltd., 900017366

Dễ dàng vệ sinh



Tất cả những việc bạn cần làm là rửa tấm lưới lọc dưới vòi nước chảy. Luôn luôn giữ cho ngôi nhà bạn luồng không khí trong lành, sáng khoái chỉ với 1 thao tác chăm sóc đơn giản.

Sức khỏe của bạn là mối quan tâm hàng đầu của chúng tôi

Ngày nay, thời gian chúng ta ở trong môi trường có điều hòa không khí nhiều hơn, ngay cả khi ở Công ty hay ở nhà. Vì thế, "luồng không khí sạch" là những gì bạn cần ở một máy điều hòa.

Chức năng tự làm sạch

Đây là chức năng thiết kế để làm giảm độ ẩm trong máy là nguyên nhân dẫn đến việc hình thành nấm mốc bên trong máy.

**SELF
CLEANING**

Ngăn ngừa sự hình thành nấm mốc bên trong máy bằng cách đơn giản nhất

Sau khi tắt máy, quạt bên trong máy sẽ tự động hoạt động thêm 20 phút nữa để làm khô hơi nước bên trong máy giảm sự hình thành nấm mốc.



Phân phối gió hiệu quả

Máy điều hòa không khí Toshiba được thiết kế hiệu quả với 12* vị trí của cánh đảo gió, linh hoạt cung cấp liên tục luồng không khí mát lạnh. Máy điều hòa không khí Toshiba cho phép bạn điều chỉnh chính xác luồng không khí giúp bạn thoải mái nhất. Đồng thời, sử dụng chức năng Swing để đưa luồng không khí lan tỏa khắp phòng.

* Áp dụng cho những không gian hẹp

TOSHIBA
Leading Innovation >>>



INVERTER

Toshiba DC Hybrid Inverter Technology and Useful Features



Hộp điện chống cháy

Hộp điện chống cháy cho cả dàn nóng và dàn lạnh, ngăn ngừa ngọn lửa lan ra các bộ phận xung quanh khi có sự cố

* Không áp dụng cho máy 10,000 Btu



Đường kính quạt tăng lên từ
Ø360 - Ø520

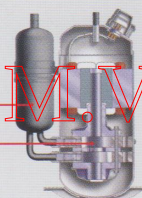


DC Hybrid Inverter

DC - Motor

Twin - rotary Cylinder

HFC
R-410A



Đầu cánh quạt được làm lõm xuống

Đầu cánh quạt được làm lõm để tránh sự giao thoa lưu lượng gió giữa 2 cánh liền kề

Bộ đôi máy nén kép

Gia tăng hiệu quả sử dụng năng lượng của máy

Máy nén hoạt động thông qua một môi chất lạnh áp suất cao. Hiệu quả cao với tốc độ hoạt động thấp giúp tiết kiệm năng lượng khi hoạt động liên tục trong nhiều giờ.

Hiệu suất cao

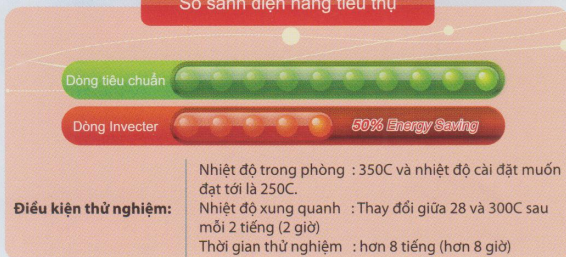
Hai trục quay cùng lúc làm cho vòng quay nén khí chính xác và hao hụt năng lượng ít hơn. Kết quả là năng lượng tiêu tốn giảm tối thiểu để cho ra kết quả vận hành tối đa.

Độ chính xác cao & Cực kỳ êm ái

Máy nén kép DC-Twin tăng cường cung cấp hiệu suất ổn định với lực ma sát tối thiểu. Tiếng ồn vận hành hầu như không cảm nhận được.

Những lợi ích của hệ biến tần DC Hybrid trong máy điều hòa không khí Toshiba

So sánh điện năng tiêu thụ



Tiết kiệm năng lượng

Tiết kiệm 50% điện năng tiêu thụ

Công nghệ kỹ thuật số trong máy biến tần DC Hybrid giúp điều khiển chính xác tốc độ quay của máy nén, tiết kiệm điện lên đến 50%*. Với kỹ thuật đột phá này không những giúp tiết kiệm điện mà giảm thiểu tối đa tiếng ồn không mong muốn nên máy điều hòa không khí Toshiba hoạt động cực kỳ êm ái.



Thoải mái

Máy biến tần DC Hybrid của Toshiba sử dụng máy nén trực xoắn kép đối xứng**, đảm bảo giảm thiểu âm thanh rung động không mong muốn.



Mạnh mẽ

PAM điều khiển máy nén hoạt động ở công suất cao nhất giúp nhiệt độ phòng nhanh chóng đạt đến nhiệt độ cài đặt.



Không gây hại tầng Ozone

Ở điều hòa không khí Toshiba, môi trường là điều chúng tôi đặc biệt quan tâm, việc sử dụng môi chất lạnh R-410A không gây hại tầng Ozone, không gây cháy nổ và độc hại.

*13k Btu Inverter vs. 13k Btu Fixed Speed product

**Applicable for 10, 13, 16N3AVP, 16, 18, 22N3AV2, 16, 18, 22N3AVR, 16, 18, 22, 24N3ACV and 18, 22N3AV Series

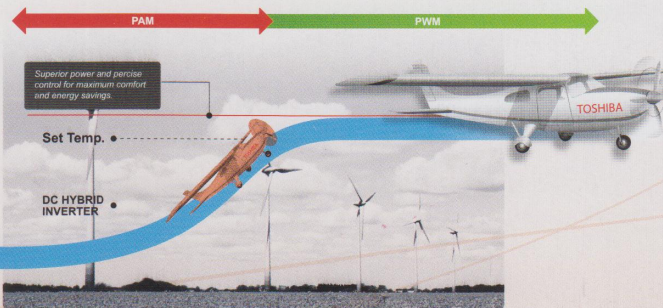


Thiết kế độc đáo Hybrid

Công nghệ biến tần trong máy điều hòa không khí Toshiba được điều khiển bởi 2 bo mạch PAM (Pulse Amplitude Modulation) và PWM (Pulse Width Modulation)

Bo mạch PAM điều khiển máy hoạt động với công suất cao nhất giúp nhanh chóng hạ nhiệt độ phòng đến nhiệt độ cài đặt. Bo mạch PWM điều khiển máy hoạt động nhẹ nhàng duy trì nhiệt độ phòng quanh nhiệt độ cài đặt.

Toshiba DC Hybrid Inverter system



Công nghệ Hybrid đáp ứng được 2 tiêu chí: nhiệt độ phòng ổn định như cài đặt và hiệu quả việc sử dụng năng lượng cho điều hòa.



Trung tâm nghiên cứu của Toshiba luôn thấu hiểu nhu cầu của bạn

- Bạn có cảm thấy bất tiện khi phải điều chỉnh nhiệt độ và luồng không khí mỗi khi bật máy điều hòa?
- Làm thế nào để biết nhiệt độ và chế độ thoải mái nhất
- Bạn cần một máy điều hòa tự động bật lên khi bạn bước vào phòng và tự động tắt khi bạn bước ra khỏi phòng?



Ở Toshiba, chúng tôi có câu trả lời cho bạn



Chức năng một phím bấm

Toshiba đánh giá được thói quen sử dụng của khách hàng và đáp ứng trọn vẹn những gì bạn mong muốn. Chức năng One Touch sẽ tối ưu hóa nhiệt độ và lưu lượng gió – mang đến cho bạn cảm giác sảng khoái thật sự chỉ với một phím bấm.



Thông số mặc định

Cài đặt các chức năng mong muốn và kích hoạt chúng bằng cách nhấn phím trên remote.

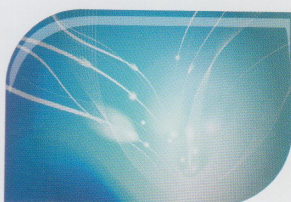


Chế độ dành riêng khi ngủ

Thức giấc vào giữa đêm vì nhiệt độ quá lạnh?

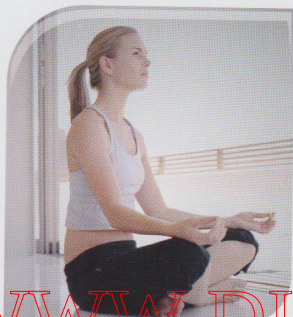
Có phải bạn cảm thấy quá lạnh trong suốt thời gian ngủ vào buổi tối?

Với thiết kế tiện dụng của Toshiba, khi nhấn và nút Comfort Sleep, hệ thống điều hòa không khí sẽ tự động điều chỉnh độ lạnh để bù lại độ giảm nhiệt độ khi trời về đêm, cho bạn một giấc ngủ ngon.



Hẹn giờ tắt mở

Toshiba thiết kế chức năng tự động tắt/mở và được lặp lại mỗi 24 giờ.



Chế độ yên tĩnh

Ngôi nhà là nơi bạn sinh sống, không có nơi nào khác trên trái đất thanh bình hơn thế. Tận hưởng từng giây phút khi ở nhà như là đọc một quyển sách ưa thích trong khi nhâm nhi một tách trà nóng...

Chỉ cần nhấn phím Quiet trên remote, dàn lạnh sẽ hoạt động ở độ ồn thấp hơn 23*decibels.

- Độ ồn bên ngoài phòng cũng không đáng lo âu...
- Hàng xóm của bạn cũng hài lòng.

WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN

*Áp dụng cho RAS-(B)10N3KVP, RAS-25N3KVP và RAS-B10UFV



*13N3KPX



Tốc độ quạt (Mạnh mẽ & Chính xác)

Máy điều hòa không khí Toshiba có 7 tốc độ quạt, bao gồm cả chế độ Tự động và tăng tốc. Chọn luồng không khí làm mát hoặc sưởi ấm theo mức bạn mong muốn từ chế độ tăng tốc Hi-Power, máy sẽ cung cấp lên đến 620m³/h* luồng không khí trong lành ngay lập tức.



Tăng tốc

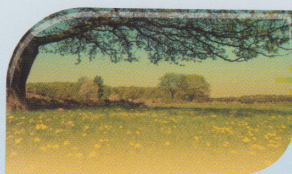
Chức năng tăng tốc Hi-Power giúp làm lạnh nhanh chóng phòng mà máy vẫn hoạt động êm ái.

Trở về nhà sau một ngày nóng bức, bạn chỉ cần bấm phím "Hi-Power" một luồng không khí mạnh mẽ lan tỏa khắp căn phòng mà không làm tăng tiếng ồn



Hi Power

Chức năng Hi-Power giúp nhanh chóng làm lạnh phòng mà máy vẫn hoạt động êm ái



Cánh đảo gió đưa luồng không khí lạnh lan tỏa khắp phòng

Điện mạo hoàn toàn mới

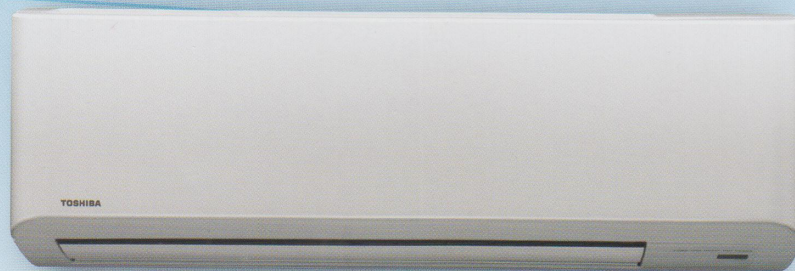
New

Điều khiển từ xa có dây

- Khách hàng giờ đây có thể quyết định sử dụng máy lạnh với remote không dây như truyền thống hay có dây như một chọn lựa mới mà Toshiba dành cho họ trong lần cải tiến này.
- Các chức năng điều khiển trên cả 2 loại remote đều như nhau.
- Riêng remote có dây giúp vận hành máy lạnh trong môi trường mà sóng của remote không dây bị hạn chế bởi sóng radio.
- Remote có dây được nối trực tiếp với dàn lạnh và có giá đỡ gắn vào tường. Nó giúp ngăn ngừa tình trạng người sử dụng hay để lạc remote đâu đó và không tìm thấy.
- Remote có dây thích hợp cho văn phòng làm việc, trường học, bệnh viện.

*Features may vary depending on model.





Dàn lạnh

ECO Eco-Logic

Với chức năng Eco-logic bạn tiết kiệm được thêm 25% điện năng so với chế độ hoạt động bình thường của máy.

Chỉ làm lạnh

Nhiệt độ được tăng lên 1°C sau 1 giờ và tăng thêm 1°C sau 2 giờ, sau đó nhiệt độ được duy trì cho đến lúc tắt máy.

Loại có sưởi

Nhiệt độ được giảm xuống 1°C sau 1 giờ và giảm thêm 1°C sau 1 giờ nữa sau đó nhiệt độ được duy trì cho đến lúc tắt máy.

Điều kiện thử nghiệm

Nhiệt độ phòng : Bắt đầu ở 30°C cho đến khi đạt đến nhiệt độ cài đặt
Yếu tố so sánh : So sánh máy vận hành sử dụng chức năng Eco-logic và không sử dụng chức năng Eco-logic
Thời gian thử nghiệm : 10 giờ
Tốc độ quạt : Cao nhất

Điều khiển từ xa
có dây



Điều khiển từ xa



Chức năng chọn dòng hoạt động

Công suất
mặc định
100% tải điện

Bấm phím
Power Sel
lần thứ 1
75% tải điện

Bấm phím
Power Sel
lần thứ 2
50% tải điện

100%

75%

50%

Bấm phím Power Sel lần thứ 3
máy quay về 100% tải điện

Thiết kế mới nhất của Toshiba giúp cho bạn thoải mái kiểm soát lượng điện năng tiêu thụ của máy điều hòa không khí từ remote (điều khiển từ xa) nhằm ngăn ngừa máy hoạt động ở công suất cao không cần thiết. Điều này giúp bạn sử dụng phần dư thừa của điện năng cho các thiết bị khác trong gia đình. Bạn có thể điều chỉnh máy hoạt động ở 100% tải, 75% tải hay 50% tải chỉ với một phím bấm.

*Applicable for N3KCV Series.

TOSHIBA

Leading Innovation >>>

Điều khiển từ xa với chức năng rõ ràng và thân thiện

Remote Controller* with backlight display

Thân thiện với điều khiển dẹt quang

Điều khiển từ xa với các phím bấm dẹt quang, mềm mại mang lại sự sang trọng và thoải mái cho người sử dụng

Màn hình lớn và các biểu tượng cho các chức năng luôn hiển thị

Màn hình cực lớn và các biểu tượng cho các chức năng luôn hiển thị giúp dễ sử dụng, thân thiện, đặc biệt với người cao tuổi



WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN

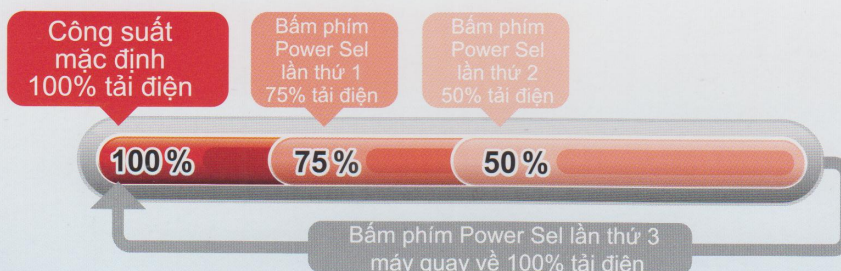


8(5-13) độ ở chế độ sưởi

Bằng việc vận hành máy điều hòa ở chế độ sưởi trong suốt mùa đông, nhiệt độ phòng luôn duy trì ở 80C nhằm ngăn ngừa nước trong ống thoát nước ngưng đông đá.



Chọn dòng hoạt động



Thiết kế mới nhất của Toshiba giúp cho bạn thoải mái kiểm soát lượng điện năng tiêu thụ của máy điều hòa không khí từ remote (điều khiển từ xa) nhằm ngăn ngừa máy hoạt động ở công suất cao không cần thiết. Điều này giúp bạn sử dụng phần dư thừa của điện năng cho các thiết bị khác trong gia đình. Bạn có thể điều chỉnh máy hoạt động ở 100% tải, 75% tải hay 50% tải chỉ với một phím bấm.

*Applicable for N3KVP (A, ND) Series and N3KVP; 1:1 only.



NEW

NHỎ GỌN & DỄ SỬ DỤNG



MỞ / TẮT

Chế độ hoạt động

Các chức năng sẵn sàng cho bạn chọn gồm: làm lạnh, khử ẩm, chế độ quạt, sưởi (cho dòng 2 chiều) hoặc chế độ tự động.

Kiểm soát nhiệt độ

Đong đưa và cố định cánh đảo gió

Chọn phân phối luồng không khí ưa thích của bạn: cố định một vị trí bất kỳ trên 12 vị trí của cánh đảo gió hoặc cho cánh quạt di chuyển giữa 12 vị trí đó

5 tốc độ quạt và tốc độ ở chế độ tự động

5 tốc độ quạt bạn có thể chọn sao cho phù hợp với tốc độ luồng không khí bạn cần hoặc chọn chế độ quạt tự động do máy điều hòa không khí lựa chọn cho bạn.

ECO

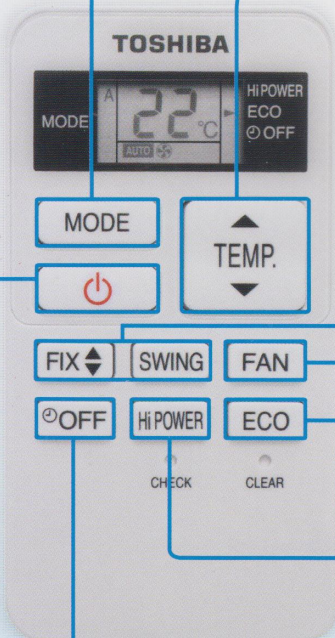
bằng việc chọn chế độ ECO cho máy hoạt động, bạn đã tiết kiệm đến 25% năng lượng so với hoạt động ở chế độ thông thường mà không làm mất đi sự thoải mái.

Chức năng tăng tốc

Chọn chức năng "Hi-Power" để nhanh chóng hạ nhiệt độ phòng so với chế độ hoạt động thông thường.

Chức năng hẹn giờ

Điều khiển từ xa giúp bạn cài đặt thời gian cho máy hoạt động. Các khung giờ gồm 0.5, 1, 1.5.....9, 10, 11, 12 giờ tha hồ cho bạn lựa chọn.



WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN



INVERTER - DÀN RỜI LOẠI TREO TƯỜNG
>> LOẠI CỐ SƯỜN

RAS-B10N3KV2-E
RAS-10N3AV2-E

RAS-B13N3KV2-E
RAS-13N3AV2-E

RAS-B16N3KV2-E
RAS-16N3AV2-E

RAS-18N3KV2-E
RAS-18N3AV2-E

RAS-22N3KV2-E
RAS-22N3AV2-E

Nguồn điện cung cấp	(Ph/Hz/V)
Công suất làm lạnh	CO (kW)
Điện năng tiêu thụ làm lạnh	CO (kW)
Hiệu suất EER/SEER	CO
Công suất sưởi	HP (kW)
Điện năng tiêu thụ sưởi	HP (kW)
Hiệu năng COP/SCOP	HP

1/50/220-240, 1/60/220	1/50/220-240, 1/60/220	1/50/220-240, 1/60/220	1/50/220-240, 1/60/220	1/50/220-240, 1/60/220
2.50	3.50	4.50	5.00	6.00
0.25-0.598-0.82	0.15-1.00-1.25	0.15-1.395-1.72	0.18-1.42-2.00	0.20-1.995-2.65
4.18/6.70	3.50/6.20	3.23/6.10	3.52/7.00	3.01/6.50
3.20	4.20	5.50	5.80	7.00
0.17-0.75-1.40	0.15-1.08-1.58	0.15-1.52-1.98	0.14-1.56-1.70	0.18-2.05-2.21
4.27/4.00	3.89/3.90	3.62/3.90	3.72/4.10	3.41/4.00

Dàn lạnh

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Lưu lượng gió khi làm lạnh - (h)	CO	(m³/h)
Lưu lượng gió khi sưởi	HP	(m³/h)
Khả năng khử ẩm		(l/h)
Độ ồn khi làm lạnh- (cao-thấp)	CO	(dB)
Độ ồn khi sưởi	HP	(dB)
Độ ồn cực đại khi làm lạnh	CO	(dBA)
Độ ồn cực đại khi sưởi	HP	(dBA)
Công suất quạt		(W)

275x790x225	275x790x225	275x790x225	320x1050x243	320x1050x243
10	10	10	13	13
516	570	684	954	1080
570	624	738	990	1098
1.5	2.0	2.5	2.8	3.5
38/35/33/30/26	39/36/33/30/26	45/42/40/35/30	44/41/38/35/32	47/44/41/38/35
39/36/34/31/28	40/37/34/31/28	45/43/40/35/31	44/41/38/35/32	47/44/42/38/35
53	54	60	59	62
54	55	60	59	62
20	20	30	30	30

Dàn nóng

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Loại gas làm lạnh		
Độ ồn khi làm lạnh - (h)	CO	(dB)
Độ ồn khi sưởi	HP	(dB)
Độ ồn cực đại khi làm lạnh	CO	(dBA)
Độ ồn cực đại khi sưởi	HP	(dBA)
Dây nhiệt độ ngoài trời khi làm lạnh	CO	(°C)
Dây nhiệt độ ngoài trời khi sưởi	HP	(°C)
Công suất máy nén		(W)
Công suất quạt		(W)

550x780x290	550x780x290	550x780x290	550x780x290	550x780x290
33	33	38	39	41
R410a	R410a	R410a	R410a	R410a
46	48	49	49	53
47	50	50	50	52
61	63	64	64	68
62	65	68	65	67
-10-46	-10-46	-10-46	-10-46	-10-46
-15-24	-15-24	-15-24	-15-24	-15-24
750	750	1100	1100	1100
43	43	43	43	43

Kích thước ống

Phía lỏng	(mm/inch)
Phía gas	(mm/inch)
Chiều dài ống tối đa	(m)
Chiều cao ống tối đa	(m)
Chiều dài ống không cần nạp gas thêm	(m)
Chiều dài ống cần nạp gas thêm	(g/m)

6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")
9.52(3/8")	9.52(3/8")	12.7(1/2")	12.7(1/2")	12.7(1/2")
20	20	20	20	20
10	10	10	10	10
15	15	15	15	15
20	20	20	20	20

Lưới lọc

Lưới lọc Toshiba IAQ
Lưới lọc chống lại bụi bẩn

•	•	•	•	•
•	•	•	•	•

Các tính năng chính

Tự làm sạch
Chức năng một phím bấm
Chế độ dành riêng khi ngủ
Chức năng tăng tốc
Chế độ hoạt động tiết kiệm Eco-Logic
Chức năng phân phối gió hiệu quả
Thông số mặc định
Chức năng tự khởi động lại
Hẹn giờ Tắt/Mở
Tốc độ quạt (Mạnh mẽ & Chính xác)
Chế độ yên tĩnh
Điều khiển từ xa có dây/Không dây
DC Hybrid Twin-Rotary
DC Hybrid Inverter (Tiết kiệm điện năng)

•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•
•	•	•	•	•

CO = cooling mode HP = heating mode

The specification may be subject to change without notice for purpose of improvement.

SPECIFICATIONS

INVERTER DÀN RỜI
LOẠI TREO TƯỜNG
-> CHỈ LÀM LẠNH

Nguồn điện cung cấp	(Ph/Hz/V)
Công suất làm lạnh	(kW)
Điện năng tiêu thụ	(kW)
Dòng hoạt động	(A)
Hiệu năng COP	(W/W)

RAS-10N3KCV	RAS-13N3KCV	RAS-16N3KCV	RAS-18N3KCV	RAS-22N3KCV	RAS-24N3KCV
RAS-10N3ACV	RAS-13N3ACV	RAS-16N3ACV	RAS-18N3ACV	RAS-22N3ACV	RAS-24N3ACV

1/50/220-240,	1/50/220-240,	1/50/220-240,	1/50/220-240,	1/50/220-240,	1/50/220-240,
1/60/220-230	1/60/220-230	1/60/220-230	1/60/220-230	1/60/220-230	1/60/220-230
2.50 (1.10-3.00)	3.50 (1.10-4.00)	4.50 (1.60-5.00)	5.00 (1.10-6.50)	5.80 (1.20-6.50)	6.50 (1.50-7.70)
0.75 (0.255-0.965)	1.07 (0.25-1.33)	1.595 (0.46-1.90)	1.42 (0.18-2.00)	1.74 (0.20-2.20)	1.90 (0.30-2.90)
3.60 (1.58-4.60)	5.07 (1.42-6.17)	7.50 (2.40-8.85)	6.68 (1.11-9.30)	8.15 (1.24-10.20)	9.08 (1.86-13.44)
3.33 (3.31-3.11)	3.27 (4.40-3.01)	2.82 (3.48-2.63)	3.52 (6.11-3.00)	3.33 (6.00-2.95)	3.42 (5.00-2.66)

Dàn lạnh

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Lưu lượng gió - (h)		(m ³ /h)
Khả năng khử ẩm		(l/h)
Độ ồn - (cao-thấp)		(dB)
Độ ồn cực đại - (cao)		(dBA)
Công suất quạt		(W)

250x740x195	275x790x225	275x790x225	320x1050x243	320x1050x243	320x1050x243
8	10	10	14	13	13
522	564	690	858	1188	1098
1.5	2.0	2.5	2.8	3.5	3.8
38/35/33/31/29	39/36/33/30/26	45/42/40/35/30	44/41/38/35/32	49/45/42/39/35	47/45/42/39/36
51	52	58	57	62	60
20	20	30	30	30	30

Dàn nóng

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Loại gas làm lạnh		
Độ ồn - (cao)		(dB)
Độ ồn cực đại - (cao)		(dBA)
Dây nhiệt độ ngoài trời		°C
Công suất máy nén		(W)
Công suất quạt		(W)

530x660x240	550x700x290	550x780x290	550x780x290	550x780x290	890x900x320
26	33	36	36	36	65
R410a	R410a	R410a	R410a	R410a	R410a
48	48	50	49	52	52
61	61	63	62	65	65
21~43	-10~46	-10~46	-10~46	-10~46	-10~46
750	750	750	1100	1100	2000
20	43	43	43	43	60

Kích thước ống

Phía lỏng	(mm/inch)
Phía gas	(mm/inch)
Chiều dài ống tối đa	(m)
Chiều cao ống tối đa	(m)
Chiều dài ống không cần nạp gas thêm	(m)
Chiều dài ống cần nạp thêm gas	(g/m)

8.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")
9.52(3/8")	9.52(3/8")	12.7(1/2")	12.7(1/2")	12.7(1/2")	15.88(5/8")
10	20	20	20	20	30
8	10	10	10	10	20
10	15	15	15	15	20
-	20	20	20	20	30

Lưới lọc

Lưới lọc Toshiba IAQ
Lưới lọc chống lại bụi bẩn

Các tính năng chính

- Tự làm sạch
- Chức năng một phím bấm
- Chế độ dành riêng cho người ngủ
- Chức năng tăng tốc
- Chức năng phân phối gió hiệu quả
- Thông số mặc định
- Chức năng tự khởi động lại
- Hẹn giờ Tắt/Mở
- Tốc độ quạt (Mạnh mẽ & Chính xác)
- Chế độ yên tĩnh
- Chức năng chọn dòng hoạt động
- Điều khiển từ xa có dây/Không dây
- DC Hybrid Twin-Rotary
- DC Hybrid Inverter (Tiết kiệm điện năng)

*Not applicable for size 10k Btu

The specification may be subject to change without notice for purpose of improvement





DÀN RỜI LOẠI TREO TƯỜNG

Thông số kỹ thuật >> **CHỈ LẠM LẠNH**

Dàn lạnh / Dàn nóng

Nguồn điện cung cấp	(Ph/Hz/V)
Công suất làm lạnh	(kW)
Điện năng tiêu thụ	(kW)
Dòng hoạt động	(A)
Hiệu năng COP	(W/W)

RAS-10N3KPX-V RAS-10N3AX-V			RAS-13N3KPX-V RAS-13N3AX-V			RAS-18N3KPX-V RAS-18N3AX-V			RAS-24N3KPX-V RAS-24N3AX-V		
1/50/220-240			1/50/220-240			1/50/220-240			1/50/220-240		
220V	230V	240V	220V	230V	240V	220V	230V	240V	220V	230V	240V
2.55	2.56	2.57	3.70	3.73	3.75	5.20	5.23	5.25	6.40	6.43	6.45
0.77	0.79	0.82	1.22	1.24	1.26	1.91	1.98	2.06	2.28	2.32	2.36
3.58	3.57	3.56	5.68	5.62	5.55	9.10	9.38	9.90	10.60	10.90	11.20
3.31	3.24	3.13	3.03	3.01	2.98	2.72	2.64	2.55	2.81	2.77	2.73

Dàn lạnh

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Lưu lượng gió - (h)		(m³/h)
Khả năng khử ẩm		(l/h)
Độ ồn - (cao-thấp)		(dB)
Độ ồn cực đại - (h)		(dBA)
Công suất quạt		(dBA)

250x740x195	275x790x225	320x1050x243	320x1050x243
8	10	13	13
540	600	900	1100
1.2	2.0	2.0	2.7
40/38/36/34/32	41/38/35/33/31	42/39/37/35/33	45/43/41/39/37
53	54	55	58
20	20	30	30

Dàn nóng

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Loại gas làm lạnh		
Độ ồn		(dB)
Độ ồn cực đại		(dBA)
Dây nhiệt độ ngoài trời		°C
Công suất máy nén		(W)
Công suất quạt		(W)

530x660x240	550x780x290	550x780x290	715x780x290
26	34	43	52
R22	R22	R22	R22
46-47	47-48	51-52	56-57
59-60	60-61	64-65	69-70
21-43	21-43	21-43	21-43
750	1100	1700	1800
20	30	42	42

Kích thước ống

Phân tầng	(mm/inch)
Đầu gas	(mm/inch)
Chiều dài ống tối đa	(m)
Chiều cao ống tối đa	(m)
Chiều dài ống không cần nạp gas thêm	(m)
Chiều dài ống cần nạp gas thêm	(g/m)

6.35 (1/4")	6.35 (1/4")	6.35 (1/4")	6.35 (1/4")
9.52 (3/8")	12.7 (1/2")	12.7 (1/2")	15.88 (5/8")
10	15	20	25
5	6	8	10
10	15	15	15
-	-	-	-

Lưới lọc

Lưới lọc Toshiba IAQ	
Lưới lọc chống lại bụi bẩn	

*	*	*	*
*	*	*	*

Các tính năng chính

Tự làm sạch	
Chức năng một phím bấm	
Chế độ dành riêng khi ngủ	
Chức năng tăng tốc	
Chế độ hoạt động tiết kiệm Eco-Logic	
Phân phối gió hiệu quả	
Thông số mặc định	
Chức năng tự khởi động lại	
Hẹn giờ Mở/Tắt	
Tốc độ quạt (Mạnh mẽ & Chính xác)	
Chế độ yên tĩnh	
Điều khiển có dây/Không dây	

*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*

*Not applicable for size 10K Btu

The specification may be subject to change without notice for purpose of improvement.



DÀN RỜI LOẠI TREO TƯỜNG

Thông số kỹ thuật >> DÒNG 2 CHIỀU

Dàn lạnh / Dàn nóng

Nguồn điện cung cấp		(Ph/Hz/V)
Công suất làm lạnh	CO	(kW)
Điện năng tiêu thụ	CO	(kW)
Dòng hoạt động	CO	(A)
Hiệu năng COP	CO	(W/W)
Công suất sưởi	HP	(kW)
Điện năng tiêu thụ	HP	(kW)
Dòng hoạt động	HP	(A)
Hiệu năng COP	HP	(W/W)

Dàn lạnh

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Lưu lượng gió - (h)	CO	(m³/h)
	HP	(m³/h)
Khả năng khử ẩm		(l/h)
Độ ồn	CO	(dB)
	HP	(dB)
Độ ồn cực đại	CO	(dBA)
	HP	(dBA)
Công suất quạt		(W)

Dàn nóng

Kích thước	(HxWxD)	(mm)
Trọng lượng tịnh		(kg)
Loại gas làm lạnh		
Độ ồn khi làm lạnh	CO	(dB)
Độ ồn khi sưởi	HP	(dB)
Độ ồn cực đại khi làm lạnh	CO	(dBA)
Độ ồn cực đại khi sưởi	HP	(dBA)
Dây nhiệt độ ngoài trời khi làm lạnh	CO	°C
Dây nhiệt độ ngoài trời khi sưởi	HP	°C
Công suất máy nén		(W)
Công suất quạt		(W)

Kích thước ống

Phía lỏng	(mm/inch)
Phía gas	(mm/inch)
Chiều dài ống tối đa	(m)
Chiều cao ống tối đa	(m)
Chiều dài ống không cần nạp gas thêm	(m)
Chiều dài ống cần nạp gas thêm	(g/m)

Lưới lọc

Lưới lọc Toshiba IAQ
Lưới lọc chống lại bụi bẩn

Các tính năng chính

Tự làm sạch
Chức năng một phím bấm
Chế độ dành riêng khi ngủ
Chức năng tăng tốc
Chế độ hoạt động tiết kiệm Eco-Logic
Phân phối gió hiệu quả
Thông số mặc định
Chức năng tự khởi động lại
Hẹn giờ Mở/Tắt
Tốc độ quạt (Mạnh mẽ & Chính xác)
Chế độ yên tĩnh
Điều khiển có dây/Không dây

CO = cooling mode HP = heating mode
*Not applicable for size 10K Btu

RAS-10N3KHP-E
RAS-10N3AH-E

RAS-13N3KHP-E
RAS-13N3AH-E

RAS-18N3KHP-E
RAS-18N3AH-E

RAS-24N3KHP-E
RAS-24N3AH-E

1/50/220-240			1/50/220-240			1/50/220-240			1/50/220-240		
220V	230V	240V	220V	230V	240V	220V	230V	240V	220V	230V	240V
2.50	2.53	2.55	3.56	3.57	3.60	5.05	5.05	5.05	6.20	6.20	6.20
0.77	0.79	0.81	1.14	1.18	1.20	1.90	1.96	2.02	2.18	2.19	2.20
3.60	3.59	3.58	5.31	5.27	5.22	9.00	9.20	9.60	10.50	10.60	11.00
3.25	3.20	3.15	3.12	3.03	3.00	2.66	2.58	2.50	2.84	2.83	2.82
2.70	2.71	2.72	3.95	3.98	4.00	5.30	5.35	5.40	6.60	6.65	6.70
0.74	0.75	0.76	1.08	1.095	1.14	1.72	1.79	1.87	1.99	2.07	2.17
3.45	3.40	3.38	5.00	4.98	4.95	8.20	8.50	9.20	9.75	10.40	11.05
3.65	3.61	3.58	3.66	3.63	3.51	3.08	2.99	2.89	3.32	3.21	3.09

250x740x195	275x790x225	320x1050x243	320x1050x243
8	10	13	13
540	560	900	1100
560	590	900	1100
1.2	2.0	2.0	2.5
40/38/36/34/32	41/38/35/33/31	44/42/39/37/35	48/46/44/41/39
40/38/36/34/32	41/38/35/33/31	44/42/39/37/35	48/46/44/41/39
53	54	57	61
53	54	57	61
20	20	30	30

550x780x290	550x780x290	550x780x290	715x780x290
29	36	45	54
R22	R22	R22	R22
47-49	50-51	52-53	56-57
48-50	51-52	53-54	57-58
50-52	53-54	55-56	59-60
51-53	54-55	56-57	60-61
15-43	15-43	15-43	15-43
-10-24	-10-24	-10-24	-10-24
750	750	1700	1800
20	42	42	42

6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")
9.52(3/8")	12.7(1/2")	12.7(1/2")	15.88(5/8")
10	15	20	25
5	6	8	10
10	15	15	15
-	-	-	-

*	*	*	*
*	*	*	*

*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*
*	*	*	*

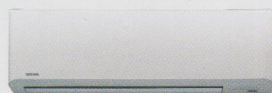
The specification may be subject to change without notice for purpose of improvement.

Dòng tiêu chuẩn Loại dàn rời treo tường



CHỈ LẠM LẠNH

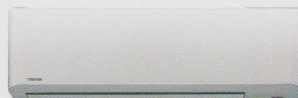
RAS-10N3K-V



RAS-10N3K-V

CHỈ LẠM LẠNH

RAS-13N3K-V



RAS-13N3K-V

CHỈ LẠM LẠNH

RAS-18N3K-V



RAS-18N3K-V

Thông số kỹ thuật

		CHỈ LẠM LẠNH			
Dàn lạnh		RAS-07N3K-V	RAS-10N3K-V	RAS-13N3K-V	RAS-18N3K-V
Dàn nóng		RAS-07N3A-V	RAS-10N3A-V	RAS-13N3A-V	RAS-18N3A-V
Nguồn điện	(Ph/VHz/V)	1/50/220	1/50/220	1/50/220	1/50/220
Công suất làm lạnh	(kW)	1.80	2.50	3.40	4.80
Công suất tiêu thụ	(kW)	0.56	0.84	1.24	1.80
Dòng hoạt động	(A)	2.62	3.90	5.80	8.50
COP	(W/W)	3.21	2.98	2.74	2.67
	(điu/h)	10.89	10.12	9.35	9.11
Dàn lạnh		RAS-07N3K-V	RAS-10N3K-V	RAS-13N3K-V	RAS-18N3K-V
Kích thước (CaoxRộngxSâu)	(mm)	250x740x195	250x740x195	275x790x225	320x1050x243
Trọng lượng tịnh	(kg)	7	8	10	14
Lưu lượng gió (gió)	(m ³ /giờ)	385	540	600	900
Độ ồn	(lit/giờ)	0.8	1.2	2.0	2.0
Độ ồn (cao/thấp)	(dB)	41/37/35/32/30	43/40/38/35/33	41/38/34/33/31	42/39/37/35/34
Độ ồn cực đại	(dB(A))	56	58	56	57
Công suất quạt	(W)	20	20	30	42
Dàn nóng		RAS-07N3A-V	RAS-10N3A-V	RAS-13N3A-V	RAS-18N3A-V
Kích thước (CaoxRộngxSâu)	(mm)	530x598x200	530x598x200	530x640x210	550x780x298
Trọng lượng tịnh	(kg)	20	23	26	36
Loại gas làm lạnh		R22	R22	R22	R22
Độ ồn	(dB)	47	47	47	51
Độ ồn cực đại	(dB(A))	62	62	62	66
Phạm vi nhiệt độ ngoài trời	(°C)	21-43	21-43	21-43	21-43
Công suất máy nén	(W)	590	750	1100	1500
Công suất quạt	(W)	20	20	30	42
Kích thước ống					
Phía lỏng	(mm/inch)	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")	6.35(1/4")
Phía gas	(mm/inch)	9.52(3/8")	9.52(3/8")	12.7(1/2")	12.7(1/2")
Kiểu nối ống		Flare	Flare	Flare	Flare
Ống thoát nước ngưng	(mm)	16.3	16.3	16.3	16.3
Chiều dài ống tối đa	(m)	10	10	15	20
Chiều cao ống tối đa	(m)	5	5	6	8
Chiều dài ống thông cần sạc gas thêm	(m)	10	10	10	15
Chiều dài ống cần sạc gas thêm	(g/m)	-	-	20	-

*Những thông số này có quyền thay đổi mà không cần thông báo trước

Làm lạnh (Cool) : Nhiệt độ trong nhà 27°C DB, 19°C WB
Nhiệt độ ngoài trời 35°C DB, 24°C WB



TOSHIBA AIRCONDITIONING
Advancing the **eco**-evolution

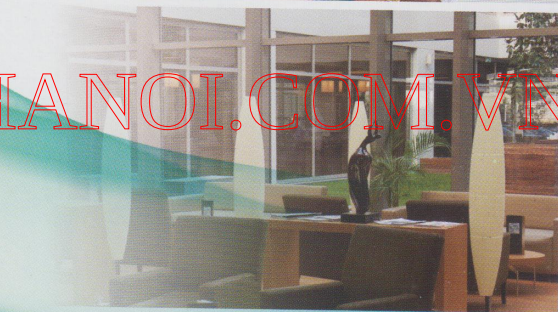
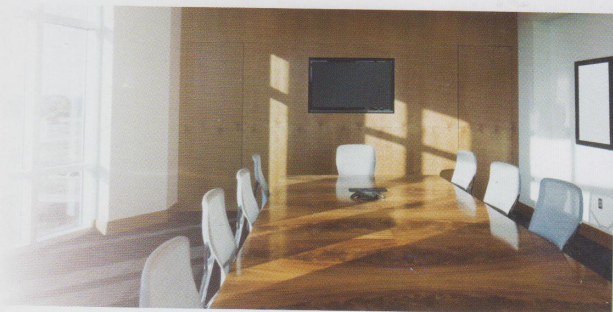
TOSHIBA

Leading Innovation >>>

SPI

FOR LIGHT COMMERCIAL BUILDINGS

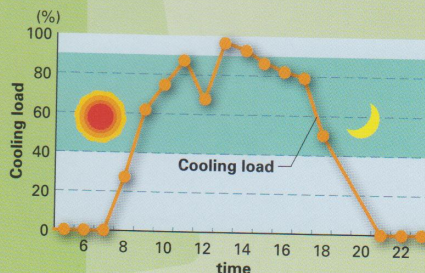
WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN



Thỏa cả 2 tiêu chí: tiết kiệm năng lượng và đáng tin cậy,
SPI hoàn toàn làm hài lòng người sử dụng

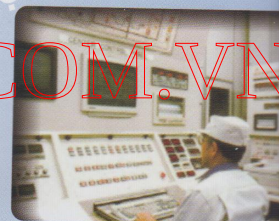
**Tiết kiệm
năng lượng**

Tiết kiệm điện năng



Lượng điện năng tiêu thụ hàng ngày

Độ tin cậy cao



**Dễ dàng
vận chuyển**

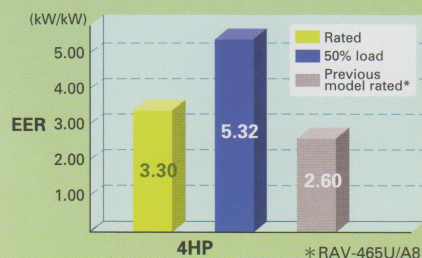
Dễ dàng lắp đặt



SPI là dòng máy điều hòa không khí tiết kiệm năng lượng dành cho các tòa nhà văn phòng dạng nhỏ. Sản phẩm này được thiết kế để đáp ứng nhu cầu đa dạng cho khách hàng. Lượng gas làm lạnh được làm giảm đi nhưng hiệu suất sử dụng năng lượng cao hơn (EER). Nhờ vào kích thước nhỏ gọn, mỗi sản phẩm có thể lắp đặt cho một văn phòng nhỏ. Thêm vào đó, máy có chức năng tự khởi động lại và đảm bảo vận hành ổn định khi văn phòng bị mất điện và có điện lại sau đó. SPI là một sản phẩm mới của Toshiba được đón nhận mạnh mẽ từ khách hàng nhờ vào những lợi ích vượt trội mà nó sở hữu.

Hiệu suất cao

SPI hoạt động ở hiệu suất cao với mức tiêu thụ năng lượng cực kỳ thấp. Ngoài ra, máy còn được tích hợp chức năng inverter góp phần vào việc tăng hiệu suất cho máy.



Máy nén mới

Toshiba đặc biệt phát triển loại máy nén kép mới dành cho SPI. Toshiba hiện có 2 loại công suất cho dòng này là 4.0 và 5.0HP với thiết kế nhỏ gọn.



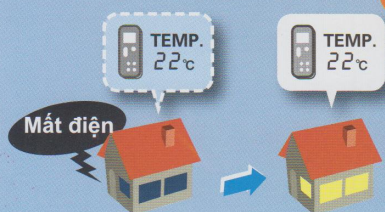
Máy nén kép

chức năng inverter điều khiển chính xác
tốc độ quay của máy nén

Hiệu suất cao

Tự khởi động lại khi mất nguồn điện và có điện lại sau đó

Sau khi có điện trở lại, SPI tự động khởi động khởi động lại và duy trì các chức năng được cài đặt trước đó cho máy. Việc cài đặt này không cần dùng đến remote.

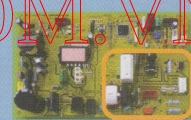


STANDARD

Bảo vệ các bộ phận trung tâm

SPI có 4 bộ phận bảo vệ vượt trội để duy trì sự vận hành ổn định.

1. Một thiết bị với chức năng dò tìm các mạch bị hở của bộ nguồn và bảo vệ bo mạch điều khiển.
2. Hầu hết các ron của hộp inverter đều ngăn ngừa sự xâm nhập của cát và bụi bẩn từ bên ngoài làm sai lệch chức năng của các linh kiện điện tử.
3. Vận hành ổn định – duy trì hoạt động của máy ổn định dưới điện áp cao (380V+ 20%)
4. Màn che mỏng bao phủ bên ngoài PC board – ngăn ngừa các sự cố do cát và bụi bẩn.



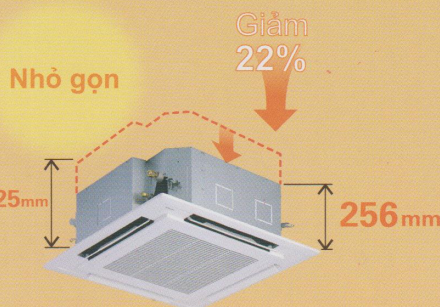
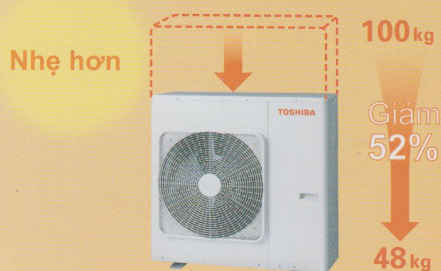
1 Protection circuit



2 Sealed inverter box

Nhẹ và nhỏ gọn hơn dễ dàng hơn cho việc lắp đặt

NEW



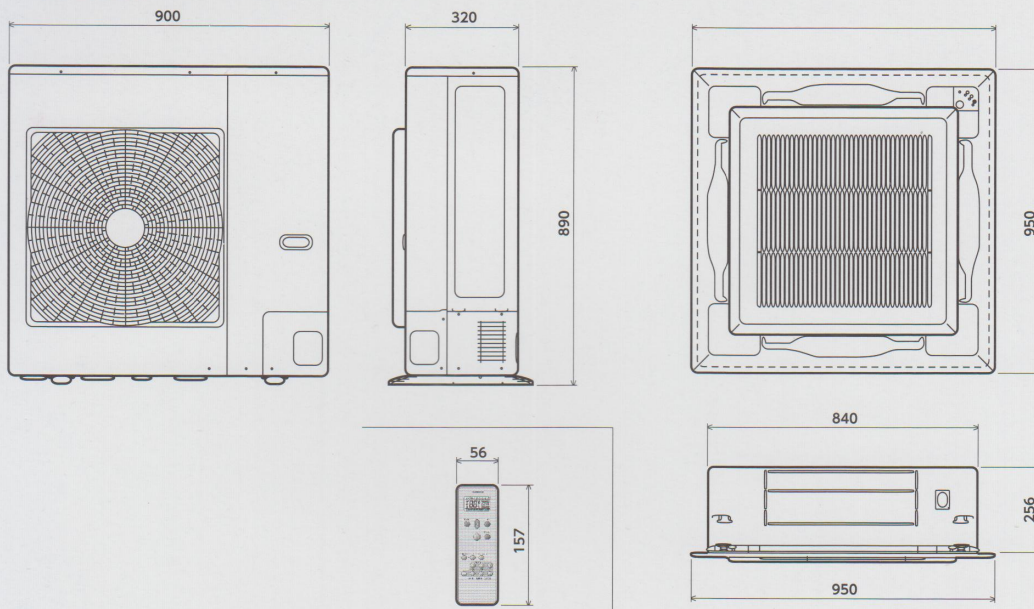
Standard supply*



Remote không dây

So sánh với các model trước đây

Kích thước



THÔNG SỐ KỸ THUẬT

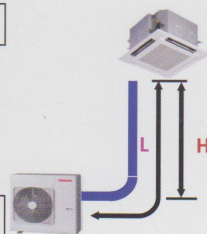
HP (Công suất)		4	5
Model	Dàn lạnh	RAV-SE1001U	RAV-SE1251U
	Dàn nóng	RAV-TE1001A8	RAV-TE1251A8
	Panel	RBC-U31PGX(W)-IN	
Nguồn điện cung cấp cho dàn nóng		3phase 50Hz 400V(380-415)	
Điện năng tiêu thụ (kW)		3.03	4.37
Dòng điện cực đại (A)		13.5	
Công suất làm lạnh	Rated (kW)	10	12.1
	Rated (Btu/h)	34,000	41,140
	Range (kW)	4.0-11.2	4.0-12.5
	Range (Btu/h)	13,600-38,080	13,600-42,500
EER (kW/kW) - Hiệu suất		3.3	2.77
Lưu lượng gió	(m3/min)	Dàn lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)	30.0 / 25.5 / 20.5
		Dàn nóng	80.0
	(CFM)	Dàn lạnh (Cao/Trung bình/Thấp)	1,050 / 900 / 720
		Dàn nóng	2,820
Trọng lượng (kg)		48	
Độ ồn dàn nóng (dB(A))		59	60
Nhiệt độ ngoài trời (0C)		15-46	
Remote không dây đi kèm với dàn lạnh			

		SPI 4, 5HP
Kích thước ống nối (mm)	Phía gas	15.9
	Phía lỏng	9.5
Chiều dài ống (m) : L	Ngắn nhất	5
	Dài nhất*	30
Chiều cao ống tối đa {CDU-FCU} (m) : H		20

Chiều dài ống không cần nạp gas thêm (m)	15
--	----



*Trong trường hợp chiều dài ống gas dài hơn 16m	
Chiều dài ống cần nạp gas thêm (g/m)	40



Ghi chú: Toshiba cam kết liên tục cải tiến sản phẩm để đảm bảo cho sản phẩm có chất lượng cao nhất và đáng tin cậy, phù hợp với nhu cầu của từng thị trường. Tất cả các tính năng và thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần báo trước.

TOSHIBA

Leading Innovation >>>



WWW.DIENLANHHANOI.COM.VN



Miền Nam:
Công ty CP Phân phối Đức Khải hoặc Công ty CP Đức Khải:
Địa chỉ: Số 271/7B An Dương Vương, P.3, Q.5, TP.HCM
Điện thoại: 08 3830 6868 - Fax: 08 3830 6969
Trung tâm chăm sóc khách hàng Carrier Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số 48 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP.HCM
Điện thoại : 08 3931 4490 / Fax : 08 3931 4701.

Miền Bắc:
Văn phòng đại diện Công ty CP Đức Khải
Địa chỉ: Số 628/29 Hoàng Hoa Thám, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: 04 6273 4237 - Fax: 04 6273 4237
Trung tâm chăm sóc khách hàng Carrier Việt Nam tại Hà Nội
Địa chỉ: Số 29 Xuân Diệu, P. Quang An, quận Tây Hồ, Hà Nội.
Điện thoại : 04 3934 5438/ Fax: 04 38247683.

Miền Trung:
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Phân Phối Đức Khải
Địa chỉ: Số 43 - 45 Nguyễn Thái Học, quận Hải Châu, Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 384 3266/ Fax: 0511 384 3265

Miền Tây:
Công ty TNHH MTV TM Song Huỳnh
Địa chỉ: 106 -108 Chí Lăng, P. Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, Kiên Giang
Điện thoại: 077 3945 888/ Fax 077 3911 666



TOSHIBA
Leading Innovation >>>
WWW.DIENLANHHA NOI.COM.VN



Notice : Toshiba is committed to continuously improving its products to ensure the highest quality and reliability standards, and to meet local regulations and market requirements. All features and specifications are subject to change without prior notice.

2 0 1 3 CAT-TCTC-2013